

PHẠM VĂN LINH
Ngày 11/3/2015

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 506/QĐ-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 10 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về Hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên trường
Đại học Y Dược Cần Thơ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Căn cứ Điều 36, Chương VIII của "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu Trưởng trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 2747/QĐ-BYT ngày 24/07/2007 v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trường Phòng NCKH-QHQT.

QUYẾT ĐỊNH

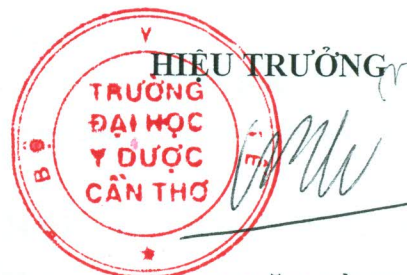
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ năm học 2015-2016.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Khoa, Phòng, Ban, Đơn vị thuộc trường và toàn thể giảng viên trong Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HCTH, P. NCKH-QHQT.



PHẠM VĂN LINH

Phó: - PGS Kiên
 - Ths Tài
 - Lưu

[Handwritten mark]

**QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số :306/QĐ-ĐHYDCT

ngày 10 / 3 / 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích ban hành

1. Làm căn cứ để Hiệu trưởng phân công, bố trí, sử dụng, tăng cường hiệu lực công tác quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động đối với giảng viên;
2. Giúp trường có căn cứ để kiểm tra, thẩm định, đánh giá và xây dựng chính sách, chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên;
3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
4. Làm cơ sở để đánh giá, xếp loại giảng viên hằng năm và đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên.

Điều 2. Cơ sở xây dựng quy định

- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Luật Giáo dục Đại học 2012;
- Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;
- Thông tư số 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT ngày 06/06/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chính sách đối với giảng viên tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Điều 36, Chương VIII của "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quyền hạn và trách nhiệm của hiệu trưởng trường đại học;
- Thông tư số 16/2012/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 2747/QĐ-BYT ngày 24/07/2007 của Bộ Y Tế ban hành Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này áp dụng đối với giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư (sau đây gọi chung là giảng viên) đang giảng dạy tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 4. Các khái niệm

1. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên tương đương với việc thực hiện một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp, bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng;

2. Giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (đơn vị tính: G) là số giờ được quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên;

3. Giờ nghĩa vụ cá nhân (đơn vị tính: G) là khối lượng công việc chuyên môn đã quy chuẩn mà mỗi giảng viên có nghĩa vụ phải hoàn thành trong năm, bao gồm nhiệm vụ giảng dạy và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo chức danh giảng dạy và học vị tại thời điểm lập kế hoạch;

4. Giờ chuẩn giảng dạy vượt định mức: là khối lượng công việc chuyên môn đã quy chuẩn mà giảng viên có trách nhiệm phải hoàn thành sau khi thực hiện giờ nghĩa vụ.

Điều 5. Nhiệm vụ của giảng viên

Nhiệm vụ giảng dạy

1. Giảng dạy đại học, sau đại học;
2. Hướng dẫn luận văn tốt nghiệp đại học và sau đại học;
3. Học tập, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ và chuyên môn;
4. Dự giờ và tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên khác;
5. Tham gia xây dựng và phát triển ngành học, chương trình đào tạo, cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu và thực hành môn học;
6. Biên soạn sách giáo khoa, giáo trình và giáo án. Xây dựng chương trình chi tiết cho môn học;
7. Soạn đề thi, tổ chức thi và kiểm tra, đánh giá học viên, sinh viên theo quy chế;
8. Tham gia công tác quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

Các nội dung cụ thể khác quy định tại chương II về chế độ làm việc đối với giảng viên được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

1. Chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp từ cơ sở đến Nhà nước;
2. Viết bài báo đăng trên các tạp chí khoa học;

3. Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước;
4. Tham gia báo cáo tham luận tại các hội nghị;
5. Hướng dẫn luận văn, luận án;
6. Tổ chức xây dựng đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học;
7. Tổ chức, chỉ đạo đề tài nghiên cứu khoa học;
8. Tổ chức, tham gia chấm luận văn, luận án;
9. Tổ chức, tham gia các hội thảo chuyên môn cấp khoa (có đăng ký với nhà trường);
10. Nghiên cứu khoa học và công nghệ để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá môn học;
11. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế.

CHƯƠNG II

QUI ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 6: Các hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học: bao gồm việc đề xuất đề tài, tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia quá trình nghiên cứu và chuyên giao kết quả nghiên cứu.

1.1. Đề tài cấp Nhà nước (đề tài do Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản): đề tài trong khuôn khổ các chương trình khoa học trọng điểm của Nhà nước, đề tài độc lập cấp Nhà nước, đề tài theo Nghị định thư;

1.2. Đề tài cấp Bộ và tương đương:

- Đề tài do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ quản lý;
- Đề tài nhánh cấp Nhà nước;
- Đề tài thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ;
- Đề tài, dự án nghiên cứu do các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học ở nước ngoài tài trợ (đề tài hợp tác song phương), các công ty đa quốc gia tài trợ trên 300 triệu đồng (đăng ký tương đương đề tài Bộ Giáo dục & Đào tạo);
- Đề tài, dự án nghiên cứu hợp đồng với các địa phương (cấp tỉnh/ thành) do Sở Khoa học Công nghệ quản lý được tài trợ từ ngân sách Nhà nước.

1.3. Đề tài cấp cơ sở: cấp Trường, Sở Y tế, Bệnh viện, các trường đại học khác.

2. Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước trên tạp chí khoa học và đào tạo của trường; xuất bản sách chuyên khảo; bài viết tham luận, báo cáo chuyên đề khoa học tại các hội thảo khoa học trong và ngoài nước;

3. Hướng dẫn luận văn, luận án;

4. **Sinh hoạt khoa học cấp Khoa, Trường;**
5. **Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ;**
6. **Tham gia các Hội đồng khoa học:**
 - Hội đồng khoa học cấp Nhà nước và tương đương, cấp Bộ và tương đương;
 - Hội đồng khoa học và đào tạo Trường;
 - Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa;
 - Hội đồng nghiệm thu các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở;
 - Hội đồng nghiệm thu giáo trình, tài liệu học tập;
 - Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài nghiên cứu khoa học; tuyển chọn cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học.
7. **Thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo, viết đề cương chi tiết môn học;**
8. **Biên soạn tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập:**
 - Biên soạn giáo trình, tài liệu học tập;
 - Biên dịch sách;
 - Viết tài liệu tham khảo, sách bài tập, ngân hàng đề thi (gọi chung là tài liệu tham khảo).

Điều 7: Định mức số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học và quy đổi giờ chuẩn

Định mức số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học trong một năm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên: Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

TT	Chức danh giảng viên	Giờ hoạt động nghiên cứu khoa học	Giờ chuẩn nghiên cứu khoa học
1	Giáo sư và Giảng viên cao cấp	800	160
2	Phó Giáo sư và Giảng viên chính	700	140
3	Giảng viên	600	120
4	Giảng viên tập sự	0	0

Quy đổi giờ hoạt động nghiên cứu khoa học thành giờ chuẩn: 5 giờ hoạt động nghiên cứu khoa học = 1 giờ chuẩn nghiên cứu khoa học

Điều 8. Cách tính giờ chuẩn nghiên cứu khoa học

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học

STT	Hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến	Đơn vị tính	Cấp Nhà Nước	Cấp Bộ/TP/tỉnh	Cấp cơ sở	Cấp Khoa
1	Xây dựng đề cương NCKH (sau khi được phê duyệt)	Đề cương	120	40	-	-
2	Thực hiện đề tài (được nghiệm thu)	Đề tài	600	200	60	-
3	Sáng kiến cải tiến	Đề tài	600	200	60	20

Ghi chú:

- Thời gian đề tài cấp Nhà nước là 3 năm, cấp Bộ/Tỉnh là 2 năm, cấp cơ sở là 12 - 18 tháng.
- Đối với đề tài cấp Nhà nước phải có báo cáo hoàn thành tiến độ từng năm sẽ được tính 200 giờ/năm.
- Quy định phân bổ giờ chuẩn giữa các thành viên:
 - + Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước được hưởng 50% giờ, thư ký 30%, các thành viên khác 20% còn lại;
 - + Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ/Tỉnh được hưởng 50% giờ, thư ký 30%, các thành viên khác 20% còn lại;
 - + Chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở được hưởng 60% giờ, các thành viên khác 40% còn lại, nếu đề tài có 1 người thì được hưởng 100% giờ.
- Trường hợp đề tài bị trễ hạn:
 - + Trễ 6 tháng: tổng số giờ được tính cho đề tài chỉ còn 80%;
 - + Trễ 7 tháng – 1 năm: tổng số giờ được tính cho đề tài 70%;
 - + Trễ hơn 1 năm: tổng số giờ được tính cho đề tài 50%.

2. Viết bài đăng trên tạp san, tạp chí khoa học

STT	Hoạt động	Đơn vị tính	Giờ chuẩn
1	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế (có mã số ISSN)	Bài	100
2	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Bài	25
3	Bài báo khoa học đăng trên tạp san khoa học trong trường	Bài	10
4	Trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị quốc tế (có in trong kỷ yếu hội nghị) tổ chức tại nước ngoài	Bài	20
5	Bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội nghị quốc tế (international proceedings) tổ chức tại nước ngoài	Bài	15
6	Trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị quốc gia (có in trong kỷ yếu hội nghị)	Bài	10
7	Trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị cấp cơ sở (có in trong kỷ yếu hội nghị)	Bài	10
8	Trình bày báo cáo chuyên đề cấp Khoa (có phê duyệt của trường)	Bài	10

Ghi chú:

- Nếu bài báo của nhiều tác giả: tác giả chính được hưởng 60%, các đồng tác giả thì chia đều số giờ chuẩn còn lại; trường hợp có 2 đồng tác giả, mỗi tác giả được hưởng 40%, các tác giả tham gia thì chia đều số giờ chuẩn còn lại;

- Nếu một công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học khác nhau, được trình bày tại các hội nghị, hội thảo khoa học khác nhau... thì chỉ được tính một lần theo chuẩn cao nhất (không được cộng dồn).

3. Ban biên tập tập san, tạp chí Trường

STT	Tham gia hội đồng	Đơn vị tính	Giờ chuẩn		
			Tổng biên tập	Phó Tổng biên tập	Thư ký
1	Ban biên tập tập san Trường	Cuốn	5	5	5
2	Ban biên tập tạp chí Trường	Cuốn	10	10	5

4. Đọc hiệu đính bài đăng tập san, tạp chí

STT	Hoạt động	Đơn vị tính	Giờ chuẩn
1	Đọc hiệu đính bài đăng tập san Trường	Bài	2
2	Đọc hiệu đính bài đăng tạp chí Trường	Bài	2

5. Hướng dẫn luận văn, luận án

STT	Hoạt động	Đơn vị tính	Giờ chuẩn
1	Hướng dẫn luận án nghiên cứu sinh	Đề tài	60
2	Hướng dẫn luận văn (luận án) chuyên khoa cấp II, cao học, bác sỹ nội trú	Đề tài	25
3	Hướng dẫn luận văn chuyên khoa cấp I	Đề tài	15
4	Hướng dẫn luận văn tốt nghiệp đại học	Đề tài	10

Ghi chú:

- Thời gian cho 1 luận án nghiên cứu sinh là 3 năm, chuyên khoa cấp II là 1 năm;
- Luận án nghiên cứu sinh có 1 người hướng dẫn: phải có báo cáo tiến độ thực hiện đề tài, mỗi năm được hưởng 20 giờ;
- Luận án nghiên cứu sinh có 2 người hướng dẫn: phải có báo cáo tiến độ thực hiện đề tài; mỗi năm người hướng dẫn chính được 15 giờ, hướng dẫn phụ được 5 giờ;
- Trường hợp luận án chuyên khoa cấp II có 2 người hướng dẫn: người hướng dẫn chính được 15 giờ, hướng dẫn phụ được 10 giờ.

6. Nghiệm thu đề tài, chấm luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Tham gia hội đồng	Đơn vị tính	Giờ chuẩn			
			Chủ tịch	Thư ký	Phản biện	Ủy viên
1	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Nhà nước	Đề tài	20	15	10	8
2	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Bộ/ Tỉnh/ Thành phố	Đề tài	10	5	5	3
3	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp cơ sở	Đề tài	5	3	3	2
4	Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ	Đề tài	15	10	10	5
5	Hội đồng bảo vệ luận văn (luận án) chuyên khoa cấp II, chuyên khoa cấp I, cao học, bác sỹ nội trú	Đề tài	2	2	2	1
6	Hội đồng chấm báo cáo luận văn tốt nghiệp đại học	Đề tài	2	2	2	2

7. Biên soạn chương trình, giáo trình, sách

STT	Hoạt động	Đơn vị tính	Giờ chuẩn
1	Ban biên tập chương trình chi tiết	Chương trình	100
2	Đọc phân biện chương trình chi tiết	Chương trình	20
3	Ban biên soạn đề cương chi tiết học phần được nghiệm thu	1 tín chỉ	20
4	Ban biên soạn giáo trình lý thuyết được nghiệm thu cấp Khoa (được nhà trường cho phép xuất bản)	1 tín chỉ	50
5	Ban biên soạn giáo trình lý thuyết được nghiệm thu cấp Trường	1 tín chỉ	100
6	Biên soạn sách tham khảo trên 100 trang	Cuốn	40
7	Biên soạn sách tham khảo dưới 100 trang	Cuốn	30
8	Biên soạn sách chuyên khảo trên 100 trang	Cuốn	50
9	Biên soạn sách chuyên khảo dưới 100 trang	Cuốn	40

Ghi chú:

- Biên soạn sách tham khảo và sách chuyên khảo phải được nhà trường thẩm định.
- Biên soạn sách: các đồng tác giả tự phân chia % giờ chuẩn theo tỷ lệ số bài tham gia trong sách biên soạn.

8. Tham gia hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình, sách

STT	Tham gia hội đồng	Đơn vị tính	Giờ chuẩn			
			Chủ tịch	Thư ký	Phản biện	Ủy viên
1	Hội đồng thẩm định chương trình	Cuốn	4	3	7	2
2	Hội đồng thẩm định giáo trình cấp Khoa	Cuốn	4	3	7	2
3	Hội đồng thẩm định giáo trình cấp Trường	Cuốn	5	4	8	3
4	Hội đồng thẩm định sách tham khảo	Cuốn	3	2	5	1
5	Hội đồng thẩm định sách chuyên khảo	Cuốn	3	2	5	1

9. Tham gia hội đồng khoa học đào tạo, chức danh Giáo sư, Phó giáo sư cơ sở

STT	Tham gia hội đồng	Đơn vị tính	Giờ chuẩn			
			Chủ tịch	Phó chủ tịch	Thường trực	Ủy viên
1	Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường	Năm	30	30	30	20
2	Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa	Năm	10	10	-	10
3	Hội đồng chức danh Giáo sư/Phó giáo sư cơ sở	Năm	10	10	-	10

10. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế

STT	Hoạt động	Đơn vị tính	Giờ chuẩn
1	Tiếp và làm việc với đoàn quốc tế	Buổi	2
2	Biên dịch tài liệu, phiên dịch cho các buổi tiếp đoàn	Buổi	2

CHƯƠNG III
CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Các điều khoản thi hành

1. Trường hợp giảng viên không nghiên cứu khoa học hoặc không tham gia nghiên cứu khoa học thì giờ chuẩn giảng dạy mà giảng viên đó phải hoàn thành trong năm học bằng tổng giờ chuẩn cho giảng dạy và giờ chuẩn cho nghiên cứu khoa học;
2. Trường hợp giảng viên vượt giờ nghiên cứu khoa học, tính vào thành tích thi đua khen thưởng;
3. Giáo vụ bộ môn có trách nhiệm quy ra giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và tổng hợp giờ giảng cho bộ môn, trình ban chủ nhiệm khoa;
4. Phòng Nghiên cứu Khoa học - Quan hệ Quốc tế có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận giờ NCKH của các khoa trước khi khoa gửi phòng Tài chính Kế toán;
5. Các Trưởng phòng chức năng, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn có trách nhiệm phối hợp tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này.
6. Trong quá trình thực hiện, Quy định sẽ được xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp thực tiễn quản lý khoa học công nghệ của trường ĐHYDCT hoặc theo sự bổ sung hoàn thiện của văn bản pháp luật liên quan;
7. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2015-2016.


TRƯỜNG TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
CẦN THƠ

Phạm Văn Linh